

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Dũng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hồng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Trang Hoàng Mỹ	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tống Việt Thống	Ủy viên
Bà Trần Như Quỳnh	Ủy viên

#### **Giám đốc**


Ông Lê Quốc Dũng                      Giám đốc

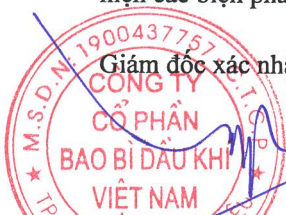
### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. 



**Lê Quốc Dũng**  
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015



Số: 0021 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 7 năm 2015, từ trang 3 đến trang 22. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (số liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014) đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 29 tháng 7 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Đỗ Trung Kiên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1924-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.752.644.758</b>	<b>39.760.955.368</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.807.081.548</b>	<b>17.586.592.863</b>
1. Tiền	111		2.807.081.548	11.518.083.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.068.509.078
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.322.442.820</b>	<b>13.574.998.156</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	34.247.401.920	12.620.871.556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		75.040.900	165.900.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	788.226.600
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>3.753.033.526</b>	<b>7.641.184.381</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.753.033.526	7.641.184.381
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>870.086.864</b>	<b>958.179.968</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		870.086.864	411.941.572
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12	-	365.858.401
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	180.379.995
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.250.621.478</b>	<b>54.853.918.385</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.017.790.123</b>	<b>54.664.923.900</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	55.017.790.123	54.664.923.900
- Nguyên giá	222		75.772.420.418	72.331.843.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.754.630.295)	(17.666.919.109)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>229.831.355</b>	<b>185.994.485</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		229.831.355	185.994.485
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>97.003.266.236</b>	<b>94.614.873.753</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

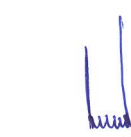
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51.961.599.063</b>	<b>47.911.841.076</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.405.776.823</b>	<b>17.180.018.836</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	10.693.376.132	8.860.059.343
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.086.254.492	16.189.184
3. Phải trả người lao động	314		1.032.722.141	2.406.936.229
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		276.964.281	261.161.227
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	3.482.007.123	125.875.825
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	9	7.352.000.000	5.302.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.482.452.654	207.797.028
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.555.822.240</b>	<b>30.731.822.240</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	9	26.555.822.240	30.731.822.240
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>45.041.667.173</b>	<b>46.703.032.677</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>45.041.667.173</b>	<b>46.703.032.677</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.650.000.000	32.650.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.433.155.732	897.105.742
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.958.511.441	13.155.926.935
- Lợi nhuận Sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.224.826.955	2.915.593.667
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.733.684.486	10.240.333.268
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>97.003.266.236</b>	<b>94.614.873.753</b>

  
 Nguyễn Đình Lịch  
 Người lập biểu

  
 Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Quốc Dũng  
 Giám đốc



Ngày 29 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014  
đến ngày 30/6/2014  
(Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	78.573.407.040	84.087.318.107
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		78.573.407.040	84.087.318.107
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	64.837.160.707	69.443.429.425
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.736.246.333	14.643.888.682
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		101.136.701	46.192.116
6. Chi phí tài chính	22		1.537.635.693	2.314.746.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.537.635.693	2.314.746.590
7. Chi phí bán hàng	25	17	1.082.182.630	741.346.911
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	3.735.693.060	2.632.856.563
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.481.871.651	9.001.130.734
10. Chi phí khác	32		-	6.234.057
11. Lợi nhuận khác (40=32)	40		-	(6.234.057)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.481.871.651	8.994.896.677
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	748.187.165	899.489.667
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.733.684.486	8.095.407.010
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.753	2.108

  
Nguyễn Đình Lịch  
Người lập biểu

  
Lê Cảnh Khánh  
Kế toán trưởng

  
Lê Quốc Dũng  
Giám đốc

Ngày 29 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

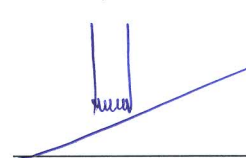
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

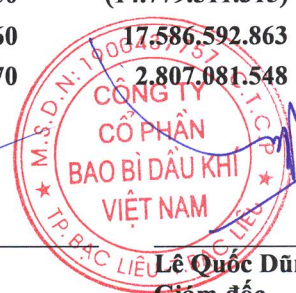
Từ ngày 01/01/2014  
 đến ngày 30/6/2014  
 (Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.481.871.651	8.994.896.677
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.087.711.186	2.893.304.274
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.271.501)	(46.192.116)
Chi phí lãi vay	06	1.537.635.693	2.314.746.590
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.013.947.029	14.156.755.425
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(20.201.206.268)	4.606.610.910
Giảm hàng tồn kho	10	3.888.150.855	6.598.924.953
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	821.199.643	(1.350.336.650)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(501.982.162)	(108.606.098)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.549.562.093)	(2.421.382.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(138.558.047)	(325.723.005)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(590.394.364)	(453.205.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.258.405.407)</b>	<b>20.703.037.561</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.290.577.409)	(301.485.897)
2. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.271.501	46.192.116
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.197.305.908)</b>	<b>(255.293.781)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.126.000.000)	(4.076.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.197.800.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.323.800.000)</b>	<b>(4.076.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(14.779.511.315)</b>	<b>16.371.743.780</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.586.592.863	4.711.176.483
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	2.807.081.548	21.082.920.263

  
 Nguyễn Đình Lịch  
 Người lập biểu

  
 Lê Cảnh Khánh  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Quốc Dũng  
 Giám đốc



Ngày 29 tháng 7 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy ngày 08 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 137 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón.
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác.
- Quảng cáo
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường bộ khác

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo Quyết định số 28/QĐ-SGDHN ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PBP.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (số liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014) đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản vay và các khoản chi phí phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	10.957.486	44.373.742
Tiền gửi ngân hàng	2.796.124.062	11.473.710.043
Các khoản tương đương tiền	-	6.068.509.078
	<u><b>2.807.081.548</b></u>	<u><b>17.586.592.863</b></u>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	34.247.256.720	11.537.724.304
Các khách hàng khác	145.200	1.083.147.252
	<u><b>34.247.401.920</b></u>	<u><b>12.620.871.556</b></u>
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)</b>	<u><b>34.247.256.720</b></u>	<u><b>11.537.724.304</b></u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.151.217.262	-	3.589.982.413	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	292.582.262	-	390.676.496	-
Thành phẩm	1.309.234.002	-	3.660.525.472	-
	<u><b>3.753.033.526</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>7.641.184.381</b></u>	<u><b>-</b></u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	35.931.240.697	33.554.950.814	2.773.187.862	72.463.636	72.331.843.009
Mua sắm mới	-	1.007.526.500	2.382.727.273	50.323.636	3.440.577.409
Tại ngày 30/6/2015	35.931.240.697	34.562.477.314	5.155.915.135	122.787.272	75.772.420.418
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	6.384.943.115	10.053.148.024	1.176.180.487	52.647.483	17.666.919.109
Khấu hao trong kỳ	1.028.574.102	1.777.912.343	271.435.041	9.789.700	3.087.711.186
Tại ngày 30/6/2015	7.413.517.217	11.831.060.367	1.447.615.528	62.437.183	20.754.630.295
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	29.546.297.582	23.501.802.790	1.597.007.375	19.816.153	54.664.923.900
Tại ngày 30/6/2015	28.517.723.480	22.731.416.947	3.708.299.607	60.350.089	55.017.790.123

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 30.500.000 VND.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 49.538.355.084 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 52.185.297.672 VND).

**9. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Chi tiêu	30/6/2015		Phát sinh trong kỳ		31/12/2014	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu						
Hợp đồng số 11160128/HĐTD ký ngày 28/01/2011 (i)	32.083.053.491	32.083.053.491	-	2.008.000.000	34.091.053.491	34.091.053.491
Hợp đồng số 57.140613/HĐTD ký ngày 20/6/2013 (ii)	1.824.768.749	1.824.768.749	-	118.000.000	1.942.768.749	1.942.768.749
	<b>33.907.822.240</b>	<b>33.907.822.240</b>	<b>-</b>	<b>2.126.000.000</b>	<b>36.033.822.240</b>	<b>36.033.822.240</b>

(i) Tại ngày 28 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 60.000.000.000 VND và không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu”. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Gốc vay sẽ được trả ngay sau khi hết thời gian ân hạn (12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên - ngày 04 tháng 7 năm 2011), sau đó sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2019. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu” để thế chấp cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- (ii) Tại ngày 20 tháng 6 năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với số tiền vay là 3.500.000.000 VND và tổng dư nợ cho vay của tất cả các hợp đồng đang còn hiệu lực tại bất cứ thời điểm nào không được vượt quá 44.811.053.491 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung, mua sắm tài sản cố định. Thời hạn vay là 6 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay áp dụng phương thức lãi suất cho vay dài hạn thả nổi có điều chỉnh theo thời gian và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.352.000.000	5.302.000.000
Trong năm thứ hai	8.352.000.000	8.352.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	18.203.822.240	22.379.822.240
	<b>33.907.822.240</b>	<b>36.033.822.240</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.352.000.000	5.302.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>26.555.822.240</b>	<b>30.731.822.240</b>

**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	1.708.245.000	5.845.207.500
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	2.397.266.850	-
Công ty Cổ phần Năng lượng GAS miền Trung	3.362.838.872	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.225.025.410	3.014.851.843
	<b>10.693.376.132</b>	<b>8.860.059.343</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)</b>	<b>1.708.245.000</b>	<b>5.845.207.500</b>

**11. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.332.200.000	-
Kinh phí công đoàn	31.846.860	26.710.935
Bảo hiểm xã hội	92.002.040	76.998.480
Bảo hiểm y tế	15.947.587	13.350.834
Bảo hiểm thất nghiệp	10.010.636	8.815.576
	<b>3.482.007.123</b>	<b>125.875.825</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	Phát sinh trong kỳ		Thuế phải thu	Thuế phải nộp
	tại 31/12/2014	tại 31/12/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	tại 30/6/2015	tại 30/6/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	365.858.401	-	2.282.902.458	1.416.248.688	-	500.795.369
- Thuế GTGT đầu ra	365.858.401	-	2.203.293.278	1.336.639.508	-	500.795.369
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	79.609.180	79.609.180	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	180.379.995	-	748.187.165	138.558.047	-	429.249.123
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.189.184	194.847.252	54.826.436	-	156.210.000
Thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	278.117.000	278.117.000	-	-
	<b>546.238.396</b>	<b>16.189.184</b>	<b>3.507.053.875</b>	<b>1.890.750.171</b>	-	<b>1.086.254.492</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	32.650.000.000	-	4.485.528.715	37.135.528.715
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.240.333.268	10.240.333.268
Trích lập các quỹ	-	897.105.742	(1.569.935.048)	(672.829.306)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>897.105.742</b>	<b>13.155.926.935</b>	<b>46.703.032.677</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.733.684.486	6.733.684.486
Trích lập các quỹ (i)	-	1.536.049.990	(3.401.099.980)	(1.865.049.990)
Chia cổ tức (i)	-	-	(6.530.000.000)	(6.530.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>2.433.155.732</b>	<b>9.958.511.441</b>	<b>45.041.667.173</b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2015.

**Cổ phiếu**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.265.000	3.265.000
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.265.000</b>	<b>3.265.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.265.000	3.265.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ bảy ngày 11 tháng 6 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 32.650.000.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Chủ sở hữu/Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2015		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	20.400.000.000	62,48	16.661.000.000	51,03	16.661.000.000	51,03
Công ty TNHH Trang Hoàng Mỹ	7.500.000.000	22,97	-	-	-	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.750.000.000	14,55	-	-	-	-
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	-	-	2.400.000.000	7,35	2.400.000.000	7,35
Cổ đông khác	-	-	13.589.000.000	41,62	13.589.000.000	41,62
	<b>32.650.000.000</b>	<b>100</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>100</b>	<b>32.650.000.000</b>	<b>100</b>

**14. DOANH THU**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán bao bì	78.509.577.950	84.021.318.107
Doanh thu bán phế liệu	63.829.090	66.000.000
	<b>78.573.407.040</b>	<b>84.087.318.107</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)</b>	<b>74.361.559.200</b>	<b>80.821.908.700</b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Giá vốn của bao bì đã bán	64.837.160.707	69.443.429.425
	<b>64.837.160.707</b>	<b>69.443.429.425</b>

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.026.310.093	59.336.384.144
Chi phí nhân công	7.250.081.098	6.299.917.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.087.711.186	2.893.304.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.894.850.738	4.016.990.746
Chi phí khác bằng tiền	396.083.282	277.269.931
	<b>69.655.036.397</b>	<b>72.823.866.956</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	1.481.267.079	993.873.624
- Chi phí khấu hao TSCĐ	686.593.174	608.151.414
- Thuế, phí và lệ phí	327.256.464	217.178.902
- Dịch vụ mua ngoài	992.171.798	517.592.076
- Các khoản chi phí QLDN khác	248.404.545	296.060.547
	<b>3.735.693.060</b>	<b>2.632.856.563</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên bán hàng	465.941.280	296.930.102
- Dịch vụ mua ngoài	478.694.690	392.432.145
- Các khoản chi phí bán hàng khác	137.546.660	51.984.664
	<b>1.082.182.630</b>	<b>741.346.911</b>

**18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.481.871.651	8.994.896.677
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>7.481.871.651</b>	<b>8.994.896.677</b>
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	1.646.011.763	1.978.877.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm do áp dụng thuế suất ưu đãi 20%	(149.637.433)	(179.897.934)
<b>Thuế phải nộp được miễn giảm 50%</b>	<b>(748.187.165)</b>	<b>(899.489.667)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>748.187.165</b>	<b>899.489.667</b>

Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2015 là năm thứ hai Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.733.684.486	8.095.407.010
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.010.052.673)	(1.214.311.052)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.723.631.813	6.881.095.959
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.265.000	3.265.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.753</b>	<b>2.108</b>

**Điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh lại lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<u>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>
	VND	VND
Theo báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	8.095.407.010	2.479
Ảnh hưởng của số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(1.214.311.052)	(372)
<b>Số đã điều chỉnh lại</b>	<b>6.881.095.959</b>	<b>2.108</b>

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	33.907.822.240	36.033.822.240
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.807.081.548	17.586.592.863
Nợ thuần	31.100.740.692	18.447.229.377
Vốn chủ sở hữu	45.041.667.173	46.703.032.677
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,69</b>	<b>0,39</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.807.081.548	17.586.592.863
Phải thu khách hàng	34.247.401.920	12.620.871.556
Các khoản ký quỹ	3.000.000	791.226.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.057.483.468</b>	<b>30.998.691.019</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	10.693.376.132	8.860.059.343
Chi phí phải trả	276.964.281	261.161.227
Các khoản vay	33.907.822.240	36.033.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.878.162.653</b>	<b>45.155.042.810</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty sẽ (giảm)/tăng 678.156.445 VND (năm 2014: 720.676.445 VND).

	<u>Tăng/(Giảm)</u> <u>số điểm cơ bản</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u> <u>nhuận trước thuế</u> <b>VND</b>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(678.156.445)
VND	-200	678.156.445
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(720.676.445)
VND	-200	720.676.445

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 21.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.807.081.548	-	2.807.081.548
Phải thu khách hàng	34.247.401.920	-	34.247.401.920
Các khoản ký quỹ	-	3.000.000	3.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.054.483.468</b>	<b>3.000.000</b>	<b>37.057.483.468</b>
<b>30/6/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán	10.693.376.132	-	10.693.376.132
Chi phí phải trả	276.964.281	-	276.964.281
Các khoản vay	7.352.000.000	26.555.822.240	33.907.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.322.340.413</b>	<b>26.555.822.240</b>	<b>44.878.162.653</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>18.732.143.055</b>	<b>(26.552.822.240)</b>	<b>(7.820.679.185)</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.586.592.863	-	17.586.592.863
Phải thu khách hàng	12.620.871.556	-	12.620.871.556
Các khoản ký quỹ	788.226.600	3.000.000	791.226.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.995.691.019</b>	<b>3.000.000</b>	<b>30.998.691.019</b>
<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người bán	8.860.059.343	-	8.860.059.343
Chi phí phải trả	261.161.227	-	261.161.227
Các khoản vay	5.302.000.000	30.731.822.240	36.033.822.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.423.220.570</b>	<b>30.731.822.240</b>	<b>45.155.042.810</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>16.572.470.449</b>	<b>(30.728.822.240)</b>	<b>(14.156.351.791)</b>

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (Trước đây là Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau)	Chủ sở hữu
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Bảo Hiểm PVI Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	Công ty cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b><u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u></b>	<b><u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau	74.361.559.200	80.821.908.700
<b>Mua nguyên vật liệu</b>		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	20.090.025.000	27.410.073.727
<b>Dịch vụ khác</b>		
Công ty Bảo Hiểm PVI Cà Mau	80.297.831	72.741.155
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí	50.000.000	
<b>Chia cổ tức cho Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau</b>	<b>3.332.200.000</b>	-
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị</b>	<b>501.590.909</b>	<b>402.968.774</b>

*Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:*

	<b><u>30/6/2015</u></b>	<b><u>31/12/2014</u></b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	34.247.256.720	11.537.724.304
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	1.708.245.000	5.845.207.500
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.332.200.000	-

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số chỉ tiêu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán và số phát sinh kỳ trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được phân loại cho phù hợp với quy định của Thông tư 200 hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Cụ thể:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán:**


*Đơn vị: VND*


Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
<b>I. Tài sản</b>			<b>I. Tài sản</b>			
1. Phải thu khách hàng	131	12.620.871.556	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12.620.871.556	Đổi tên
2. Các khoản phải thu khác	135	-	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	788.226.600	Phân loại lại và đổi tên
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	788.226.600	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
4. Tài sản dài hạn khác	268	3.000.000	4. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
5. Phải thu dài hạn khác	218	-	5. Phải thu dài hạn khác	216	3.000.000	Phân loại lại
<b>II. Nguồn vốn</b>			<b>II. Nguồn vốn</b>			
1. Phải trả người bán	312	8.860.059.343	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8.860.059.343	Đổi tên
2. Chi phí phải trả	316	261.161.227	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	261.161.227	Đổi tên
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	125.875.825	3. Phải trả ngắn hạn khác	319	125.875.825	Đổi tên
4. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.302.000.000	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.302.000.000	Đổi tên
5. Vay và nợ dài hạn	334	30.731.822.240	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	26.555.822.240	Đổi tên
6. Vốn điều lệ	411	32.650.000.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	32.650.000.000	Đổi tên

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC			Theo TT 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	
1. Doanh thu bán hàng	01	84.021.318.107	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	84.087.318.107	Phân loại lại và đổi tên
2. Thu nhập khác	31	66.000.000	2. Thu nhập khác	31	-	Phân loại lại

  
**Nguyễn Đình Lịch**  
 Người lập biểu

  
**Lê Cảnh Khánh**  
 Kế toán trưởng

  
**Lê Quốc Dũng**  
 Giám đốc



Ngày 29 tháng 7 năm 2015